

Số: 193 /KH-THCSLB

Long Biên, ngày 13 tháng 9 năm 2021

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**  
**CÁC MÔN HỌC KHỐI 6 THEO CT GDPT 2018**  
**NĂM HỌC 2021- 2022**

- Căn cứ công văn số 175/PGD&ĐT ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học;
- Căn cứ công văn 04/ HD-PGD ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc hướng dẫn chuyên môn năm học 2021 – 2022;
- Căn cứ công văn số 4040/BGDĐT-GD TrH ngày 16 tháng 9 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid – 19 năm học 2021 – 2022;

Trường THCS Long Biên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học khối 6 theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Số lớp, số học sinh**

Khối	6	7	8	9
Số lớp	6	6	7	7
Số học sinh	285	274	276	277

**2. Trình độ đội ngũ:**

STT	GV môn	Số lượng	Trình độ	Mức đạt chuẩn nghề nghiệp
1	Ngữ văn	8	04 Ths, 04 ĐH	Tốt
2	GDCD	2	02ĐH	Tốt
3	Lịch sử	3	03ĐH	Tốt
4	Địa lý	3	02Ths, 01ĐH	Tốt
5	Toán	8	08 ĐH	Tốt
6	Vật lý	2	02 ĐH	Tốt
7	Hóa học	2	01Ths, 01ĐH	Tốt
8	Sinh học	3	01Ths, 01 ĐH, 01 CĐ	Tốt
9	Tiếng Anh	5	02 Ths, 02 ĐH	Tốt
10	Công nghệ	1	01 ĐH	Tốt
11	Tin học	1	01 ĐH	Tốt
12	Âm nhạc	1	01 CĐ	Tốt
13	Mỹ Thuật	1	02 ĐH, 01CĐ	Tốt
14	Thể dục	3	01 CĐ	Tốt
15	TPT	1	01 CĐ	Tốt
<b>Tổng</b>		<b>44</b>		

### 3. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị dạy học của nhà trường được cấp từ năm 2010, nhà trường có bổ sung các thiết bị dạy học đã cũ hỏng để phục vụ tốt cho công tác dạy học
- Nhà trường có dự án sửa chữa vào năm 2021 sẽ có bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo triển khai tốt các kế hoạch dạy học.

### 4. Cơ sở vật chất

- Số phòng học theo quy mô trường: 17 phòng học
- Số phòng bộ môn, phòng chức năng, phòng đồ dùng dạy học: 8
- Số phòng SHCM tổ TN, XH: 01; - Số lớp học năm 2021 – 2022: 26 lớp

## II. KẾ HOẠCH DỰ KIẾN TRIỂN KHAI TRONG NĂM HỌC 2021- 2022

### 1. Số tiết trung bình của giáo viên

Khung số tiết thực dạy của giáo viên cho các môn học

STT	MÔN	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Tổng số tiết/năm	Số GV	Số tiết/năm học	Trung bình số tiết GV/Tuần
1	Toán	140	140	140	140	3640	8	455	13
2	Vật lý	52	35	35	70	1257	2	629	18
3	C.nghệ	35	53	53	35	1144	1	1,144	33
4	Hóa học	28		70	70	1148	2	574	16
5	Sinh học	60	70	70	70	1760	3	587	17
6	Địa lý	53	70	52	52	1461	3	487	14
7	Ngữ văn	140	140	140	175	3885	8	486	14
8	Lịch sử	51	70	53	53	1468	3	489	14
9	GDCD	35	35	35	35	910	2	455	13
10	Ngoại ngữ	105	105	105	105	2730	5	546	16
11	Thể dục	70	70	70	70	1820	3	607	17
12	Âm nhạc	35	35	35	17	784	1	784	22
13	Mĩ thuật	35	35	35	17	784	1	784	22
14	Tin học	35	70			630	1	630	18

## **2. Phân tích thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai kế hoạch dạy học**

### **a. Thuận lợi:**

- Giáo viên trẻ, nhiệt tình, sẵn sàng tìm tòi nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng các yêu cầu hoàn thành tốt nhất việc giảng dạy chương trình GDPT 2018.
- Tổ nhóm chuyên môn tích cực sinh hoạt, trao đổi chuyên môn, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, chủ động tiếp cận chương trình GDPT 2018.

### **b. Khó khăn**

#### **\* Về đội ngũ**

- Giáo viên các bộ môn Vật lý, Sinh học, Hóa học có trung bình số tiết thực dạy cao từ 16 -18 tiết.

+ Bộ môn sinh học có 03GV ( 01 GV tháng 11 nghỉ hưu), số tiết thực dạy của GV bộ môn Sinh học là 17 tiết/ tuần. 02 GV sinh học kiêm nhiệm vụ thêm công tác GVCN nên số tiết trung bình 21 tiết/tuần. Cao hơn định biên 2 tiết/ tuần/ Gv

+ Bộ môn vật lý có 02 GV số tiết thực dạy trung bình 18 tiết/ tuần, có 01 GV kiêm nhiệm thêm công tác GVCN tổng số tiết trung bình là 22 tiết/ tuần. Cao hơn định biên 3 tiết/ tuần/ Gv

- Thiếu 01 GV môn Công nghệ

- Nhà trường đang trong giai đoạn được phê duyệt dự án sửa chữa lớn, do đó nhà trường không tổ chức cho khối 6,7 học mô hình 2 buổi/ ngày. Vì vậy số tiết chính khóa khối 6,7 không xếp được TKB chiều do không có phòng học và ưu tiên phòng học cho HS khối 9 ôn thi để nâng cao chất lượng.

#### **\* Về cơ sở vật chất**

- Nhà trường thiếu 09 phòng học cho năm học 2021 – 2022
- Giải pháp : Sử dụng 09 phòng bộ môn, phòng chức năng, phòng đồ dùng dạy học, phòng SHCM làm phòng học cho các lớp.

## **3. Triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học theo CTGDPT 2018**

### **- Bộ môn Khoa học tự nhiên**

+ Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên và CSVC hiện có nhà trường tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo tính logic và phù hợp với thực tế, lần lượt đi từ tuần tự từ chương I đến chương X

Cụ thể: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Khoa học tự nhiên thành 3 giai đoạn:

- + Dạy nối tiếp kiến thức tuần tự theo các phần
- + Đảm bảo: Hóa: 28 tiết; Sinh 53 tiết; Lý: 52 tiết; Số tiết ôn tập, kiểm tra: 6 tiết; Kiểm tra: 8 tiết; *Tổng 14 tiết.*

**\* Việc kiểm tra, đánh giá:** số lần kiểm tra thực hiện theo qui định tại TT 26/2020;

**\* Kiểm tra, đánh giá định kì** được thực hiện gồm nội dung 3 phân môn Lịch theo tỷ lệ qui định và đơn vị kiến thức tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

**Bảng phân công giáo viên dạy bộ môn Khoa học tự nhiên**  
( Căn cứ vào tỉ lệ % kiến thức các phân môn và tình hình đội ngũ)

Chương \ Thời gian	Tuần 1 - 9	Tuần 10 - 25	Tuần 26 - 35
Chương I,II,III	GV Lý, Hóa, Sinh cùng dạy		
Chương IV, V,VI, VII		GV Hóa, Sinh cùng dạy	
Chương VIII,IX, X			GV Hóa, Lý cùng dạy

**- Bộ môn Lịch sử - Địa lý**

+ Bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Triển khai dạy học **đồng thời** các nội dung của chương trình trong từng học kì đảm bảo kết thúc mỗi học kì số tiết phân môn Lịch sử và phân môn Địa lý tương đương nhau.

+ Việc kiểm tra, đánh giá: số lần kiểm tra thực hiện theo qui định tại TT 26/2020;

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn: mỗi học kì phân môn Địa lý có 2 điểm ĐGTX, phân môn Lịch sử có 2 điểm ĐGTX.

+ Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện gồm nội dung 2 phân môn Lịch theo tỷ lệ qui định và đơn vị kiến thức tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

**Thời lượng cụ thể cho các phân môn theo tuần học**

Thời gian Phân môn	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Tuần 1 - 9	Tuần 10 - 18	Tuần 19 - 26	Tuần 27- 35
Lịch sử	1 tiết/tuần	2 tiết/tuần	2 tiết/tuần	1 tiết/tuần
Địa lý	2 tiết/tuần	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần	2 tiết/tuần
Tỉ lệ điểm bài kiểm tra GK	30% Phân môn Lịch sử 70% Phân môn Địa lý		70% Phân môn Lịch sử 30% Phân môn Địa lý	
Tỉ lệ điểm bài kiểm tra CK	50% Phân môn Lịch sử 50% Phân môn Địa lý		50% Phân môn Lịch sử 50% Phân môn Địa lý	

**- Bộ môn Công nghệ:** số tiết TB/tuần của Gv vượt quá quy định 33 tiết/ tuần

+ C.nghệ 9 ( Nấu ăn): Phân công cho nhóm GV Toán giảng dạy

+ C. nghệ 7 ( Trồng trọt, chăn nuôi): Phân công nhóm GV Văn giảng dạy

**- Bộ môn Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

+ GVCN K6: lên lớp các tiết chào cờ, sinh hoạt lớp

+ GV tổng phụ trách phối hợp với GVCN xây dựng các tiết Hoạt động theo chủ đề tổ chức dạy học với hình thức linh hoạt, phù hợp

+ GVCN K6: chịu trách nhiệm đánh giá nhận xét bộ môn.

**- Bộ môn tự chọn**

+ Ngoại ngữ 2: nhà trường đã triển khai toàn khối 6 học ngoại ngữ 2 Tiếng Hàn.

+ Thời lượng: 2 tiết/ tuần

+ Trung tâm liên kết: GS

+ GV trung tâm chịu trách nhiệm đánh giá

+ GV ngoại ngữ lớp chịu trách nhiệm nhập điểm môn Ngoại ngữ 2.

**- Bộ môn Hoạt động Giáo dục địa phương**

+ Tổ chức dạy học theo chủ đề

+ Thời lượng: 4 tiết/ Tháng

+ Thời gian: 4 tiết/ tuần 3/ tháng (Chiều thứ 6)

+ GVCN K6, GV Tổng phụ trách , GV dạy lịch sử kết hợp tổ chức giảng dạy các chủ đề.

+ GV dạy môn Lịch sử & Địa lý tại lớp chịu trách nhiệm đánh giá, nhận xét bộ môn.

**- Bộ môn Tin học**

+ Triển khai thực hiện theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên thực hiện theo khoản 1 điều 6 Thông tư 22/2021; Đánh giá định kỳ theo khoản 1 điều 7 Thông tư 22/2021;

+ Các nhà trường rà soát các điều kiện về CSVC phòng tin học đảm bảo đủ các điều kiện để triển khai môn Tin học theo CTr GDPT 2018,

+ Tổ chức tập huấn chuyên môn tại các nhà trường hoặc liên trường. Nội dung tập huấn: Lập trình Python cơ bản để triển khai thực hiện CTr GDPT 2018 năm học 2022-2023.

**- Bộ môn Nghệ thuật : bao gồm 2 nội dung (Âm nhạc và Mỹ thuật)**

+ Kiểm tra, đánh giá TX: mỗi nội dung chọn 1 kết quả đánh giá TX trong từng HK, đa dạng hóa hình thức đánh giá TX; bài đánh giá định kì gồm 2 nội dung Âm nhạc và Mỹ thuật tính đến thời điểm kiểm tra đánh giá.

+ Phân công rõ giáo viên chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm tra và nhập điểm trên máy kết quả đánh giá giữa kì, cuối kì theo đơn vị lớp.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT để b/cáo;
- Hiệu trưởng để b/c;
- Các tổ chuyên môn để th/hiện;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
*( Đã ký)*

**Cao Thị Phương Anh**

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC LỚP 6 – HKI ( Số tiết/ tuần)

Môn /Tuần		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T14	T15	T16	T17	T18
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Ngoại ngữ 1		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
GD CD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
LS&ĐL	LS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
KHTN	Hóa	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV L,H, S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy
	Sinh																		
	Lý																		
Nghệ thuật	AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
HD TN - HN	CC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	CD				4				4				4			4			2
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
GDLSĐP				4				4				4			4			2	

# TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

## BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC LỚP 6 – HKII ( Số tiết/ tuần)

Môn /Tuần		T 19	T 20	T 21	T 22	T23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T32	T33	T34	T35
<b>Ngữ văn</b>		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
<b>Toán</b>		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
<b>Ngoại ngữ 1</b>		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>GDCD</b>		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>LS&amp;ĐL</b>	<b>LS</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	<b>ĐL</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>KHTN</b>	<b>Hóa</b>	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,S cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,SL cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy	GV H,L cùng dạy
	<b>Sinh</b>																	
	<b>Lý</b>																	
<b>Nghệ thuật</b>	<b>AN</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	<b>MT</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>HD TN- HN</b>	<b>CC</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	<b>SHL</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	<b>CD</b>		2				4			4		4		4			4	
<b>Tin học</b>		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>Công nghệ</b>		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>GDTC</b>		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>GDLSĐP</b>		2				4			4			4					4	